TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Sơn Trường.
Bà Nguyễn Thị Rê.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim Q - Sinh năm 1982 - Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/5/2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-3-2019, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phan Thị Kim Q trình bày: bà Q và ông Nguyễn Văn U cưới nhau năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 01-02-2007 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến tháng 12 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi nhau nên bà Q và ông U đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà Q yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phan Quốc Tr (sinh ngày 20/12/2007) và Nguyễn Phan Việt Tr1 (sinh ngày 17/01/2016). Hiện hai con chung

đang sống với bà Q. Bà Q yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17-5-2019, bà Q giữ nguyên các yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện.

Theo bản tự khai ngày 21-3-2019, bị đơn là ông Nguyễn Văn U khai thống nhất với bà Q về điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, có hai con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông U khai xuất phát từ việc cho mẹ vợ và em vợ mượn tiền.

Về hôn nhân: ông U đồng ý ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông U yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn U đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn U. Ông U cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông U đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông U chỉ có bản tự khai ngày 21-3-2019 thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q mà không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt, ông U vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Q: bà Phan Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn U xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 01-02-2007 tại UBND xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông U là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên gây cãi nên đã ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Ông U cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc cho mẹ vợ và em vợ mượn tiền nhưng ông U không

cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Tòa án đã triệu tập ông U để hòa giải (02 lần) nhưng ông U vắng mặt nên không có cơ hội cho bà Q và ông U đoàn tụ. Đồng thời tại bản tự khai ngày 21-3-2019, ông U thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với bà Q. Xét mâu thuẫn giữa bà Q và ông U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Q có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Q và ông U cùng yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung nhưng từ khi ly thân đến nay cả hai con chung đều do bà Q nuôi dưỡng. Ngoài nội dung tự khai ngày 21-3-2019 yêu cầu nuôi con thì ông U không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà Q không có khả năng nuôi con chung. Đồng thời con chung Nguyễn Phan Quốc Tr thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với bà Q. Vì vậy để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự định đoạt của bà Q, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông U cho rằng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim Q đối với ông Nguyễn Văn U về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: bà Phan Thị Kim Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn U.

Về con chung: bà Phan Thị Kim Q được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Phan Quốc Tr (sinh ngày 20/12/2007) và Nguyễn Phan Việt Tr1 (sinh ngày 17/01/2016). Hiện cả hai con chung đang sống với bà Q. Ông U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà Q và ông U được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Q và ông U khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Q đã nộp theo biên lai thu số 0004448 ngày 14-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.